

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số *412N/QĐ-CDVL* ngày *25 tháng 8* năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Long)

Ngành đào tạo: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
Mã ngành: 5620111

Vĩnh Long, 2022

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Mã ngành, nghề: 5620111

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 1,5 năm học

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, chuyên môn về lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đáp ứng nhu cầu thực tế trong xã hội hiện nay. Người học hiểu biết và vận dụng được kiến thức chuyên môn kỹ thuật bao gồm: đất, cây trồng, phân bón, bảo vệ thực vật, quy định của pháp luật vào thực tiễn sản xuất một cách bền vững theo hướng an toàn, hiện đại. Người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, phân bón, kinh doanh, học tiếp lên bậc cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

Ứng dụng quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch đối các loại cây chủ lực ở ĐBSCL như các loại: cây lương thực, cây rau, cây ăn trái, cây công nghiệp, cây làm thức ăn cho gia súc vào thực tế sản xuất.

Nhận biết cách sử dụng đúng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phát hiện, phòng ngừa và điều trị các loại bệnh cây, sâu hại thông thường, phòng trừ cỏ dại xâm hại cây trồng.

Lập kế hoạch điều tra, phát hiện và xây dựng qui trình phòng trừ các loài sinh vật hại trên các loại cây trồng phổ biến trong khu vực.

Chọn lựa được cách tổ chức, chỉ đạo sản xuất các loại cây trồng trong hợp tác xã, trang trại, và nông hộ.

Tư vấn về việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, quy trình trồng những loại cây trồng phổ biến tại vùng.

Áp dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- Về kỹ năng:

Thực hiện thành thạo nghiệp vụ trồng trọt bao gồm: lai tạo và chọn giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật thâm canh, biện pháp bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả và sử dụng đúng các loại thuốc bảo vệ thực vật cho từng loại bệnh hại.

Tham gia thực hiện các quy trình sản xuất nông nghiệp như trồng trọt các loại cây lương thực, cây rau, cây ăn trái, cây công nghiệp, cây thức ăn cho gia súc.

Chẩn đoán sâu bệnh gây hại thông thường trên cây trồng; triệu chứng thừa và thiếu dinh dưỡng cây trồng và cách phòng trị.

Áp dụng các tiêu chuẩn an toàn trong canh tác, bón phân và sử dụng thuốc, hóa chất trong sản xuất an toàn, sản xuất sạch hơn các loại nông sản.

Đề xuất các giải pháp kỹ thuật; cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản đạt hiệu quả kinh tế.

Hướng dẫn các loại thủ tục trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Chuyển giao quy trình trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật đến nông dân.

Có kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, soạn thảo văn bản.

Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường. Ngoài ra, còn có khả năng học tập nâng cao trình độ lên cấp bậc cao hơn sau khi tốt nghiệp.

Có năng lực Anh văn bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

- Về năng lực tự chủ, trách nhiệm:

Có phẩm chất đạo đức, tôn trọng pháp luật, ý thức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong công việc, thái độ làm việc tốt.

Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi, sẵn sàng hợp tác với đồng nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ được giao nơi làm việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm.

Làm việc với tính trung thực, sáng tạo, tin thần trách nhiệm cao, luôn cập nhật kiến thức chung cũng như chuyên môn để phù hợp với thực tế sản xuất, xã hội hiện đại.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Học sinh tốt nghiệp làm việc tại các công ty, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; các cơ quan chuyên môn, kỹ thuật, quản lý trồng trọt, thuốc bảo vệ thực vật; tự tạo việc làm bằng cách kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hoặc tự tổ chức sản xuất nông sản bao gồm:

- Nhân viên kỹ thuật tại các công ty, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, công cụ nông nghiệp.

- Kỹ thuật viên làm nhiệm vụ chuyên môn trồng trọt và bảo vệ thực vật tại các hợp tác xã, nông trường, trang trại.

- Viên chức làm việc tại Chi cục Bảo vệ thực vật, Trạm Bảo vệ thực vật, Trung tâm Giống cây trồng, Trạm Kiểm dịch thực vật.

- Nhân viên bảo vệ thực vật (đảm nhận cả nhiệm vụ chuyên ngành Trồng trọt) của UBND xã, phường, thị trấn.

- Cộng tác viên hoặc bạn nhà nông tham gia mạng lưới bảo vệ thực vật của địa phương, của các công ty phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Đủ điều kiện tổ chức kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, tự tạo việc làm bằng cách kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, dụng cụ nông nghiệp, giống cây trồng; tự tổ chức sản xuất nông sản ở quy mô hộ gia đình và trang trại.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 30

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 55 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 315 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.155 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 370 giờ (tỷ lệ 26,2%); Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.025 giờ (tỷ lệ 73,8%).

3. Nội dung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I. Các học phần chung:			12	255	94	148	13
1	VDT5001	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	VDT5002	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	VDT5003	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
4	VDT5004	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
5	VDT5005	Tin học	2	45	15	29	1
6	VDT5007	Tiếng Anh 1	2	45	15	28	2
7	VDT5008	Tiếng Anh 2	2	45	15	28	2
II. Các môn học, mô đun chuyên môn:			43	1155	276	845	34
II.1 Môn học, mô đun cơ sở			15	330	109	206	15
8	VDT5009	Kỹ năng giao tiếp	2	30	15	14	1
9	VNN5202	Sinh lý thực vật	2	45	15	28	2
10	VNN5203	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	1	30	8	20	2
11	VNN5204	Đất trồng - Phân bón	3	75	15	58	2
12	VNN5205	Khí tượng nông nghiệp	1	15	9	5	1
13	VNN5206	Thủy nông	1	15	9	5	1
14	VNN5207	Giống cây trồng	2	45	15	28	2
15	VNN5208	GAP & nông nghiệp hữu cơ	1	30	8	20	2
16	VNN5209	Quản lý cỏ dại	2	45	15	28	2
II.2 Môn học, mô đun chuyên môn			24	645	167	459	19
17	VNN5210	Thuốc bảo vệ thực vật	3	60	30	28	2
18	VNN5211	Bệnh cây trồng	3	60	30	28	2
19	VNN5212	Côn trùng nông nghiệp	2	45	15	28	2
20	VNN5213	Cây lương thực	2	45	15	28	2
21	VNN5214	Cây ăn trái	2	45	15	28	2
22	VNN5215	Cây rau & trồng rau không cần đất	2	45	15	28	2
23	VNN5216	Nấm ăn	1	30	8	21	1
24	VNN5217	Khuyến nông	1	30	8	20	2

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
25	VNN5218	Phòng trừ dịch hại	2	45	15	28	2
26	VNN5219	Luật ngành	1	30	8	21	1
27	VNN5220	Hoa, cây cảnh	1	30	8	21	1
28	VNN5221	Thực tập ngoại khóa	1	45	0	45	0
29	VNN5222	Thực tập nghề nghiệp (3-6 tuần)	3	135	0	135	0
II.3 Thực tập tốt nghiệp			4	180	0	180	0
30	VTN5000	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	4	180	0	180	0
Tổng cộng			55	1.410	370	993	47

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 30 tháng 3 năm 2022, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

+ 01 tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 giờ thực học và 30 giờ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 01 tín chỉ thực hành tương đương với 30 giờ thực học và 15 giờ chuẩn bị cá nhân;

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

Thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 30 tháng 3 năm 2022, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. Người học được công nhận tốt nghiệp nếu thỏa các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Thỏa các yêu cầu khác do Hiệu trưởng trường quy định.
- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:
 - + Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1
 - + Kiểm tra định kỳ: hệ số 2
 - + Điểm trung bình kiểm tra = [kiểm tra thường xuyên + (kiểm tra định kỳ * 2)]/3
 - + Thi kết thúc môn học
 - + Điểm TB cuối môn = (trung bình kiểm tra * 0.4) + (Điểm thi kết thúc môn học * 0.6)

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (thang điểm 10)	Điểm môn học (quy ra điểm chữ)	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
8,5 - 10,0	A	4,0
8,0 - 8,4	B+	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
0,0 - 3,9	F	0,0

4.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 30 tháng 3 năm 2022, Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định, có đủ điều kiện thì sẽ được xét công nhận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu theo quy định của trường.

**TM. KHOA NÔNG NGHIỆP
TRƯỞNG KHOA**

Võ Thanh Phong

**TM. TỔ BIÊN SOẠN
TỔ TRƯỞNG**

Nguyễn Thế Vững

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



ThS. Trần Minh Cổ